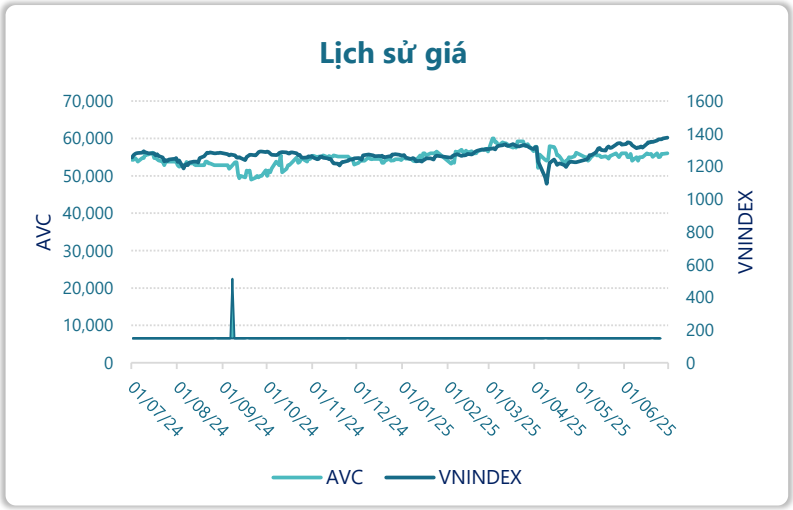
FireAnt

CTCP Thủy Điện A Vương (UPCOM: AVC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**56,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	60,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	48,988
SL cổ phiếu LH	75,052,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)	650
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,203
P/E	11.7
EPS	4,800

DT thuần

Q2/25

146

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.0| 11.5%

YoY: ▲ 5.00| 3.6%

LN sau thuế

Q2/25

45.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.5| -24.2%

YoY: ▲ 31.6| 231%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

38.4%

+/- YoY: ▲ 26.3%

DT thuần

6T 2025

277

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 44.0| 18.6%

LN sau thuế

6T 2025

105

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 58.0| 124%

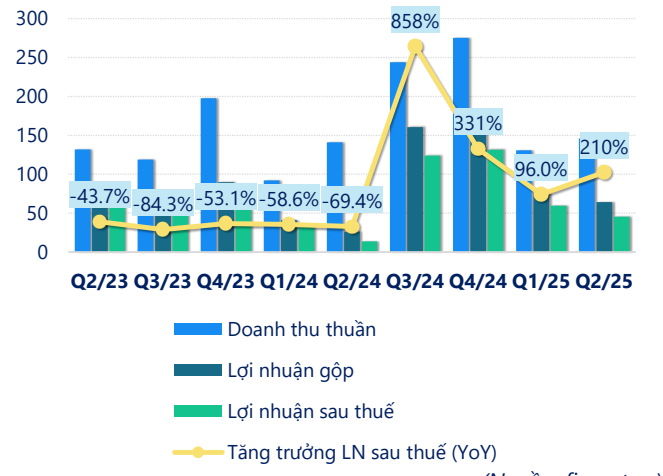
ROE

Q2/25

33.0%

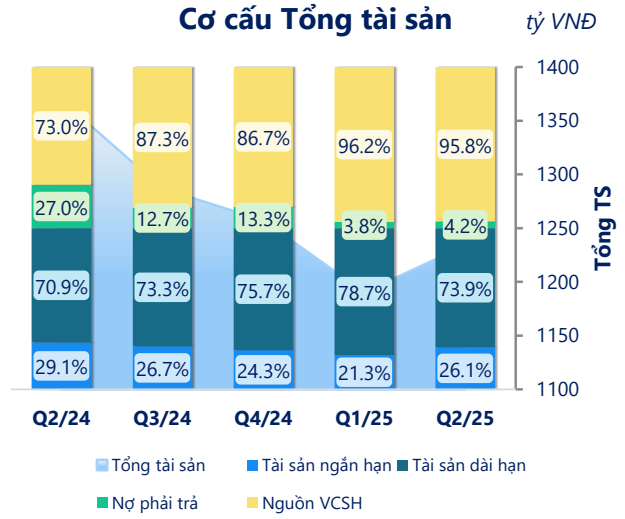
+/- YoY: ▲ 21.7%

Kết quả kinh doanh



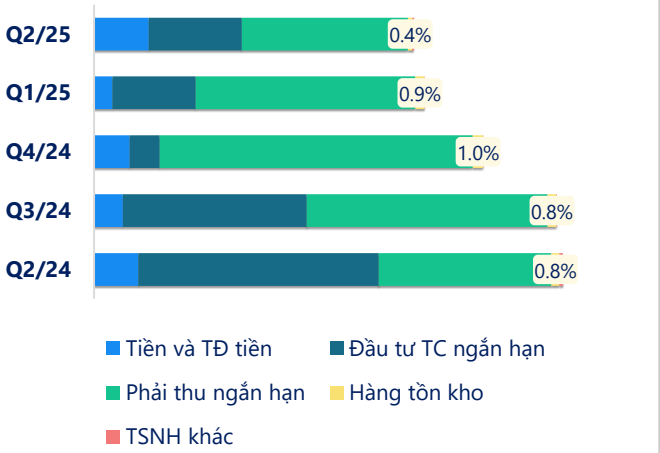
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



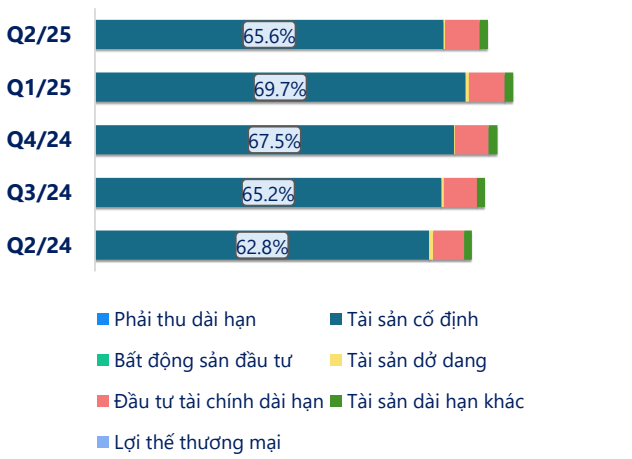
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



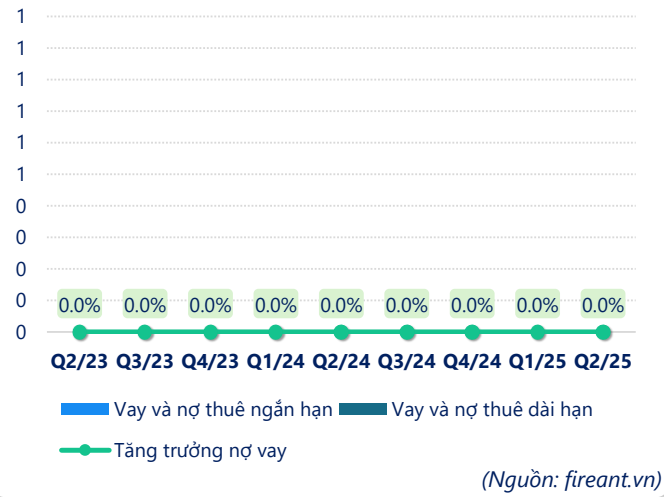
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



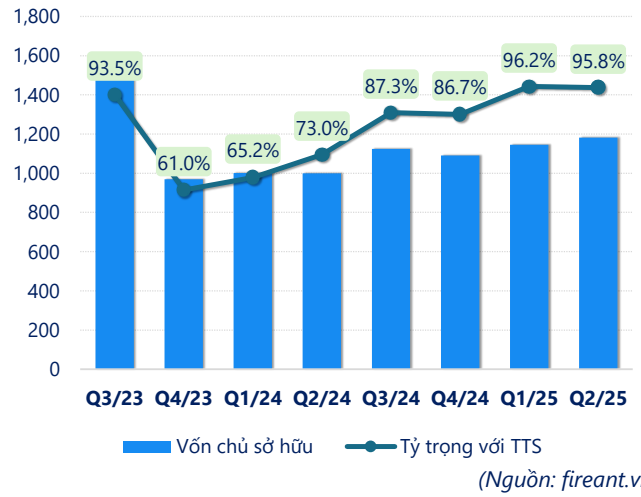
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



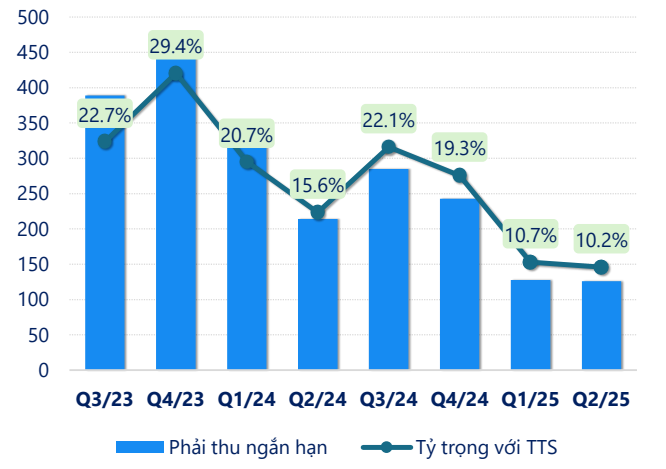
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



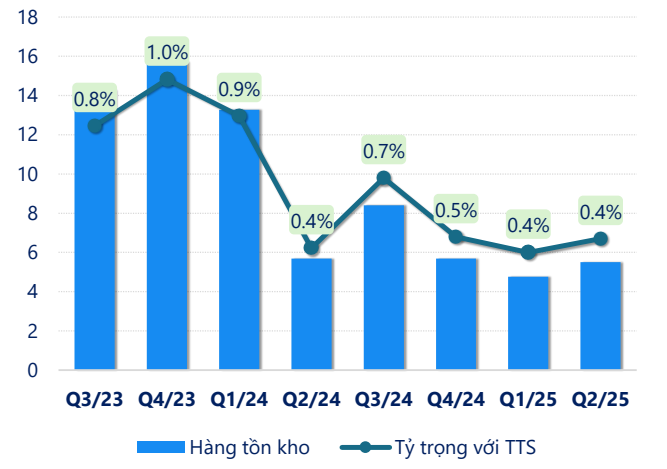
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



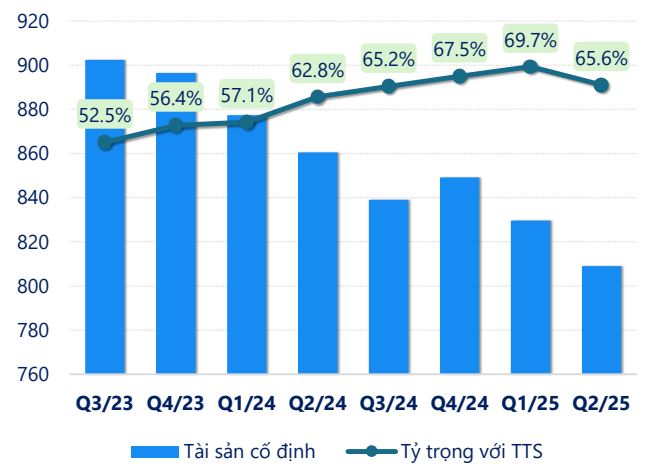
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



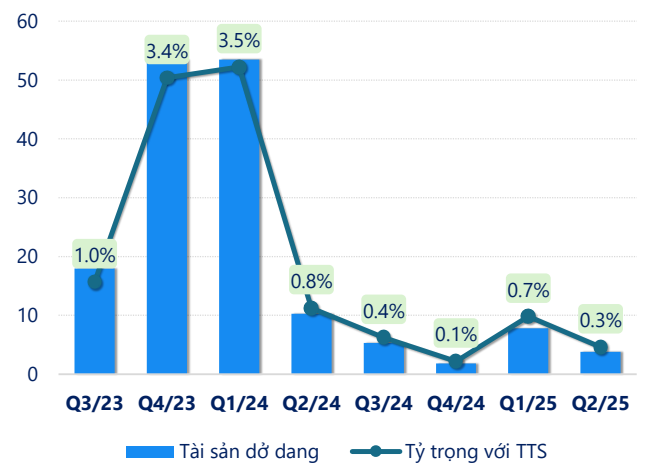
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



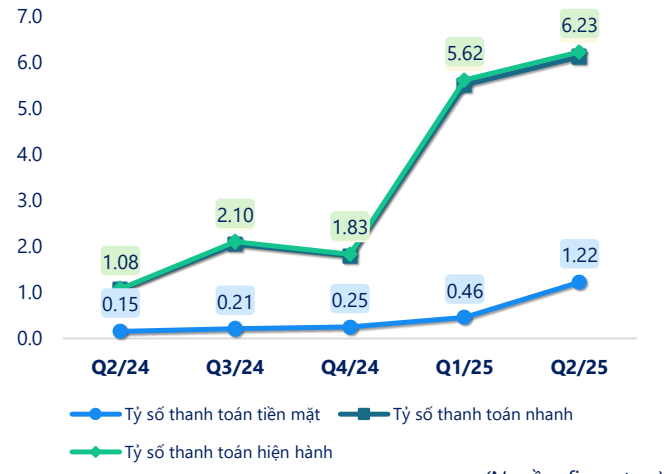
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



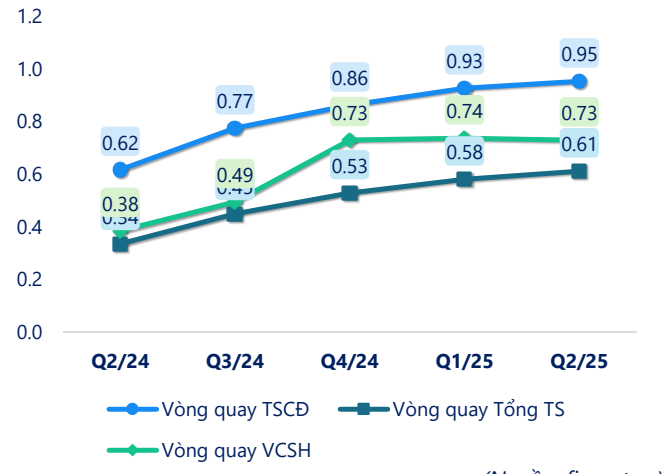
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,369**	**1,287**	**1,257**	**1,190**	**1,234**
Tài sản ngắn hạn	**399**	**343**	**306**	**254**	**322**
Tiền và tương đương tiền	57.0	34.8	42.1	20.6	63.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	15.0	15.0	101	127
Phải thu ngắn hạn	214	285	243	127	126
Hàng tồn kho	5.68	8.41	5.69	4.76	5.51
Tài sản ngắn hạn khác	2.28	0.32	0.15	0.10	0.32
Tài sản dài hạn	**970**	**944**	**952**	**936**	**912**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	861	839	849	830	809
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	10.3	5.33	1.83	7.78	3.78
Đầu tư tài chính dài hạn	79.8	79.8	79.8	79.8	79.8
Tài sản dài hạn khác	19.8	19.7	20.9	19.3	19.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**369**	**163**	**167**	**45.2**	**51.7**
Nợ ngắn hạn	**369**	**163**	**167**	**45.2**	**51.7**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	23.8	14.2	11.5	7.64	6.04
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,000**	**1,124**	**1,090**	**1,145**	**1,182**
Vốn chủ sở hữu	**1,000**	**1,124**	**1,090**	**1,145**	**1,182**
Vốn điều lệ	751	751	751	751	751
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)